

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **482** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **28** tháng 3 năm 2017

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định tạm thời giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với diện tích 63.057 ha đất có nguồn gốc lấn chiếm đất rừng từ ngày 01/7/2004 đến ngày 01/01/2010 đã được thu hồi từ các Nông, Lâm trường giao về cho các địa phương quản lý và bổ trí sử dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 85/TTr-STNMT ngày 06 tháng 3 năm 2017 và ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 333/STC-CSVG ngày 01 tháng 3 năm 2017,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định tạm thời Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với diện tích 63.057 ha đất có nguồn gốc lấn chiếm đất rừng từ ngày 01/7/2004 đến ngày 01/01/2010 đã được thu hồi từ các Nông, Lâm trường giao về cho các địa phương quản lý và bổ trí sử dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính phục vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá
1	Diện tích đất dưới 100 m <sup>2</sup> đất	Đồng/m <sup>2</sup>	600
2	Diện tích đất từ 100 đến dưới 500 m <sup>2</sup> đất	Đồng/m <sup>2</sup>	580
3	Diện tích đất từ 500 đến dưới 1.000 m <sup>2</sup> đất	Đồng/m <sup>2</sup>	560
4	Diện tích đất từ 1.000 m <sup>2</sup> đến dưới 5.000 m <sup>2</sup> đất	Đồng/m <sup>2</sup>	540
5	Diện tích đất từ 5.000 m <sup>2</sup> đến dưới 10.000 m <sup>2</sup> đất	Đồng/m <sup>2</sup>	520
6	Diện tích đất từ 10.000 m <sup>2</sup> đất trở lên	Đồng/m <sup>2</sup>	500

2. Thời gian áp dụng: Từ ngày 01/01/2017.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương xây dựng phương án giá dịch vụ nêu trên bảo đảm đúng quy định, trình UBND tỉnh ban hành trong thời gian sớm nhất.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KTKH (Va).

**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn

